



Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2017

GIỚI THIỆU

Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2017

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Mục tiêu

Xây dựng Luật Trợ giúp pháp lý (TGPL) nhằm khắc phục hạn chế, bất cập trong hoạt động TGPL; tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, thống nhất với Hiến pháp năm 2013 và các Luật được Quốc hội ban hành gần đây để phát triển bền vững công tác TGPL; sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước; nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL; bảo đảm sự hội nhập quốc tế, trong đó có nội luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng Luật TGPL được dựa trên các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:

Thứ nhất, thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về các chính sách xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, dân tộc và quan điểm về quyền con người, quyền công dân trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ hai, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013, đặc biệt là thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, trong đó có quyền bình đẳng trước pháp luật và bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; bảo đảm tính đồng bộ với các luật có liên quan, nhất là các luật về tố tụng.

Thứ ba, lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL làm trung tâm; bảo đảm chất lượng dịch vụ TGPL theo hướng chuẩn hóa đội ngũ người thực hiện TGPL.

Thứ tư, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về TGPL, tinh gọn tổ chức thực hiện TGPL của Nhà nước; đề cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước và khuyến khích sự tham gia của xã hội vào hoạt động TGPL.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Luật TGPL được bố cục thành 8 chương, 48 điều, cụ thể như sau:

- **Chương I:** Những quy định chung gồm 6 điều (từ Điều 1 đến Điều 6) gồm các quy định về phạm vi điều chỉnh, khái niệm TGPL, nguyên tắc hoạt động TGPL, chính sách của Nhà nước về TGPL, nguồn tài chính cho công tác TGPL, các hành vi bị nghiêm cấm.

- **Chương II:** Người được TGPL, quyền và nghĩa vụ của người được TGPL gồm 3 điều (từ Điều 7 đến Điều 9) gồm các quy định diện người được TGPL, quyền, nghĩa vụ của người được TGPL.

- **Chương III:** Tổ chức thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện TGPL gồm 7 điều (từ Điều 10 đến Điều 16) quy định về tổ chức thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện TGPL, Trung tâm TGPL nhà nước, hợp đồng thực hiện TGPL, đăng ký tham gia TGPL, chấm dứt thực hiện TGPL của tổ chức tham gia TGPL.

- **Chương IV:** Người thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ của người thực hiện TGPL gồm 9 điều (từ Điều 17 đến Điều 25) quy định về người thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ của người thực hiện TGPL, tiêu chuẩn Trợ giúp viên pháp lý, tập sự TGPL, bổ nhiệm, cấp thẻ Trợ giúp viên pháp lý, miễn nhiệm và thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý, cấp lại thẻ Trợ giúp viên pháp lý, cộng tác viên TGPL, các trường hợp không được tiếp tục thực hiện hoặc từ chối thực hiện TGPL.

- **Chương V:** Phạm vi, lĩnh vực, hình thức và hoạt động TGPL gồm 14 điều (từ Điều 26 đến Điều 39) quy định về phạm vi thực hiện TGPL, lĩnh vực, hình thức TGPL, địa điểm tiếp người được TGPL, yêu cầu TGPL, thụ lý vụ việc TGPL, tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng, phối hợp xác minh vụ việc TGPL, chuyển yêu cầu TGPL, kiến nghị trong hoạt động TGPL, các trường hợp không tiếp tục thực hiện vụ việc TGPL, lập và lưu trữ hồ sơ vụ việc TGPL.

- **Chương VI:** Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đối với hoạt động TGPL gồm 5 điều (từ Điều 40 đến Điều 44) quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về TGPL, trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến hoạt động TGPL trong tố tụng và các cơ quan có liên quan, của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, tổ chức chủ quản của tổ chức tư vấn pháp luật.

- **Chương VII:** Giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp gồm 02 điều (Điều 45 và Điều 46) quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp.

